TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SA ĐÉC** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST. Ngày: 27 - 01 - 2021. V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Danh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhàn.

2. Bà Cao Thị Diệu Hiền.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 345/2020/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 11 năm 2020 về "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đặng Thị Ngọc H - sinh năm: 1981.

Địa chỉ: đường V, khóm H, Phường M, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Anh Trần Thanh T - sinh năm: 1983.

Địa chỉ: đường V, khóm H, Phường M, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn là chị Đặng Thị Ngọc H trình bày*:**

- Về hôn nhân: Chị H và anh T chung sống vợ chồng từ năm 1998. Trong quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do quan điểm sống không phù hợp nên chị H và anh T đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 53/2009/QĐST-HNGĐ, ngày 30/10/2009 của Tòa án nhân dân thị xã (*nay là thành phố*) Sa Đéc. Sau khi ly hôn, đến năm 2011 chị H nhận thấy anh T có sự thay đổi tích cực và cũng vì nghĩ cho con gái nên chị H, anh T đã hàn gắn, trở lại chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định vào ngày 15/6/2011 tại UBND Phường 4, thị xã (*nay là thành phố*) Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì lại tiếp tục phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do anh T thường xuyên ăn nhậu, không chăm lo kinh tế gia đình, mọi chi tiêu sinh hoạt trong gia đình đều do chị H tự lo liệu. Chị H cũng đã khuyên nhiều lần nhưng anh T không sửa đổi. Ngoài ra, anh T còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, không còn quan T gì đến gia đình, vợ và con. Thời gian gần đây anh T còn tụ tập bạn bè ăn nhậu, bị bạn bè rủ rê đi cưỡng đoạt tài sản của người khác và bị phạt tù. Khoảng 02 năm nay, mặc dù còn sống chung nhà nhưng vợ chồng đã sống ly thân; về mặt tình cảm không ai quan T đến ai, mạnh ai nấy sống. Nay chị H nhận thấy tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, không thể hàn gắn, chị H không thể tiếp tục sống chung với anh T. Do đó, chị H yêu cầu được ly hôn anh Trần Thanh T.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống, có 01 con chung tên Trần Thị Thúy V - sinh ngày: 07/5/2003 (*hiện đang sống với chị H và anh T*). Khi ly hôn, chị H yêu cầu được quyền nuôi con chung, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Về chia tài sản chung: Chị H và anh T tự thỏa thuận. Chị H xác định là không có tranh chấp về chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị H xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, bị đơn là anh Trần Thanh T trình bày*:**

- Về hôn nhân: Anh T và chị H tự tìm hiểu nhau được khoảng 02 năm thì tiến tới hôn nhân, tổ chức đám cưới vào năm 1998, đăng ký kết hôn vào năm 2003. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2008, 2009 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T không có việc làm ổn định, kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng thường hay cự cãi nên chị H có nộp đơn yêu cầu ly hôn tại Tòa án và hai bên đã thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các

đương sự số: 53/2009/QĐST-HNGĐ, ngày 30/10/2009 của Tòa án nhân dân thị xã (*nay là thành phố*) Sa Đéc. Hai bên ly hôn được khoảng vài năm thì hàn gắn trở lại chung sống vào năm 2011 và đăng ký kết hôn lại vào ngày 15/6/2011 tại UBND Phường 4, thị xã (*nay là thành phố*) Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do anh T thường hay ăn nhậu nên vợ chồng cự cãi. Mâu thuẫn trầm trọng vào khoảng tháng 11/2020, do anh T đi nhậu bị bàn bè rủ rê nên có tham gia cưỡng đoạt tài sản của người khác. Sau đó bị Tòa án nhân dân huyện Lai Vung xét xử 01 năm tù.

Trước đây, anh T đi giao hàng, có thu nhập nên mỗi tháng cũng có đưa tiền cho chị H khoảng 4.000.000 đồng để chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình. Tuy nhiên, khoảng 02 năm trở lại đây do thất nghiệp nên mọi chi tiêu sinh hoạt trong gia đình đều do chị H tự lo nên xảy ra cự cãi, gây gổ. Nay về tình cảm anh T còn thương chị H, anh T không đồng ý ly hôn chị H.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống, có 01 con chung tên Trần Thị Thúy V - sinh ngày: 07/5/2003 (*hiện đang sống với anh T và chị H*). Trường hợp ly hôn, anh T đồng ý giao con chung tên Trần Thị Thúy V - sinh ngày: 07/5/2003 cho chị H nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi cháu V sau ly hôn.

- Về chia tài sản chung: Trường hợp ly hôn; anh T và chị H tự thỏa thuận. Anh T xác định là không có tranh chấp về chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, con của chị H và anh T là cháu Trần Thị Thúy V trình bày*:** Trường hợp cha mẹ ly hôn thì cháu V có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị Đặng Thị Ngọc H.

***Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa*:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn là anh Trần Thanh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt: Theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về Hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị Ngọc H.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên giao cháu Trần Thị Thúy V - sinh ngày: 07/5/2003 (*hiện đang sống với anh T và chị H*) cho chị H được quyền nuôi dưỡng con chung sau ly hôn; do chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét

xử không xem xét giải quyết. Anh T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Do các bên đương sự đều xác định là không có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Đặng Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Trần Thanh T là loại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Tại phiên tòa: Bị đơn là anh Trần Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy trường hợp vắng mặt của bị đơn không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa. Do đó, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Chị H và anh T chung sống vợ chồng từ năm 1998, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định vào ngày 15/6/2011 tại UBND Phường 4, thị xã (*nay là thành phố*) Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị H và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau; anh T sống không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên ăn nhậu, không chăm lo cho kinh tế gia đình; ngoài ra, anh T còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, không quan T gì đến vợ và con. Quá trình chung sống, chị H cũng đã nhiều lần nhường nhịn, mong muốn hàn gắn tình cảm và cho anh T nhiều cơ hội để sửa đổi nhưng anh T vẫn không thay đổi; gia đình của hai bên cũng đã nhiều lần khuyên can nhưng anh T không nghe. Từ đó, vợ chồng thường xuyên cự cãi, tình cảm ngày càng bị tổn thương, rạn nứt, không thể hàn gắn. Khoảng 02 năm, nay mặc dù còn sống chung nhà nhưng vợ chồng đã sống ly thân, mạnh ai nấy sống, về tình cảm không ai quan T đến ai.

Tại phiên tòa, chị H xác định là không còn tình cảm với anh T, cuộc sống hôn nhân với anh T không có hạnh phúc; chị H không thể tiếp tục chung sống với anh T. Trường hợp Tòa án không cho ly hôn thì chị H cũng cương quyết không sống chung với anh T. Chị H thiết tha yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh T.

Về phía anh T, mặc dù không đồng ý ly hôn chị H, anh T vẫn còn tình cảm với chị H. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, vợ chồng cũng thường xuyên gây gổ, cự cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không có hạnh phúc; anh T cũng thừa nhận và xác định là quá trình chung sống anh T ít khi quan T đến vợ con, thường hay ăn nhậu, bị bạn bè rủ rê đi cưỡng đoạt tài sản của người khác và bị Tòa án nhân dân huyện Lai Vung tuyên phạt 01 năm tù. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"*1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*…".

Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không có sự thương yêu, quan T lẫn nhau. Giữa chị H và anh T cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nếu chị H và anh T đoàn tụ tiếp tục chung sống thì cũng không có hạnh phúc. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay, chị H xác định là không còn tình cảm với anh T, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân với anh T không có hạnh phúc, chị H không còn quan T, thương yêu, lo lắng cho anh T, chị H cương quyết xin được ly hôn anh T; trường hợp Tòa án không cho ly hôn thì chị H cũng không sống chung với anh T. Về phía anh T cũng thừa nhận và xác định là tuy còn thương vợ nhưng trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều xung đột, bất đồng về quan điểm sống, anh T ít khi quan T đến vợ và con làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng bị tổn thương, rạn nứt, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt. Do đó, xét thấy việc chị H yêu cầu xin được ly hôn anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nuôi con chung: Khi ly hôn, chị H có yêu cầu được quyền nuôi con chung tên Trần Thị Thúy V - sinh ngày: 07/5/2003 (*hiện đang sống với chị H và anh T*). Về phía anh T cũng đồng ý giao con chung cho chị H được quyền nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn.

Xét thấy: Hiện cháu V đang có cuộc sống ổn định với chị H, được chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và dành nhiều tình thương cho cháu. Hơn nữa, cháu V là con gái nên sống chung với mẹ sẽ thuận tiện trong việc chăm sóc hơn cha. Mặt khác, hàng ngày anh T không có sự quan T, lo lắng, chăm sóc cho cháu V cũng như phụ tiếp tiền bạc để chị H lo cho con chung. Vì vậy, để đảm bảo cho cháu V có cuộc sống ổn định và phát triển tốt về T sinh lý; Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu V cho chị H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu V và bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho cháu V trong sinh hoạt. Anh T được quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được

quyền cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, ...*

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Do các bên đương sự, chị H và anh T cùng xác định là tự thỏa thuận; chị H và anh T không có tranh chấp về chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị H và anh T cùng xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đặng Thị Ngọc H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*) theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị Ngọc H. Cho chị Đặng Thị Ngọc H ly hôn anh Trần Thanh T.

2. Về nuôi con chung:

- Chị Đặng Thị Ngọc H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Trần Thị Thúy V - sinh ngày: 07/5/2003 (*hiện đang sống với chị H và anh T*). Chị H không yêu cầu anh Trần Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

- Anh Trần Thanh T có trách nhiệm giao con chung tên Trần Thị Thúy V - sinh ngày: 07/5/2003 (*hiện đang sống với chị H và anh T*) cho chị Đặng Thị Ngọc H nuôi dưỡng.

- Anh Trần Thanh T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị Ngọc H nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị H đã nộp ngày 18/11/2020 theo biên lai thu số: 0008513 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Thanh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo luật định./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Quốc Danh

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- UBND Phường 4, TP Sa Đéc, ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.